

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ KHU ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027

Thời gian học thực hành khóa 2024, 2026: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 20/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Thời gian học thực hành khóa 2025: từ ngày 12/10/2026 đến ngày 27/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy cs2:D201, cs2:D202, cs2:D203, cs2:D204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP HỌC PHÂN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM HDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
1	CNTN2025	25CTT1TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Minh Huy	30	N1	T6	1-2,5	cs2:PMD202	20	1	TTThịnh	
2	CNTN2025	25CTT1TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Minh Huy	30	N2	T6	3,5-5	cs2:PMD202	21	1	TTThịnh	
3	CNTN2026	26CTT1TN	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Minh Huy	30	N1	T6	6-7,5	cs2:PMD201	25	1	TTThịnh	
4	CNTN2026	26CTT1TN	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Minh Huy	30	N2	T6	8,5-10	cs2:PMD201	27	1	TTThịnh	
5	CNTN2026	26CTT1TN	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Trần Thái Sơn	30	N1	T3	1-2,5	cs2:PMD201	26	1	PMHoàng	
6	CNTN2026	26CTT1TN	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Trần Thái Sơn	30	N2	T3	3,5-5	cs2:PMD201	25	1	PMHoàng	
7	CQ2024/5	24_5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Lương Hán Cơ	30	N1	T6	6-7,5	cs2:PMD202	35	1	LHCơ	
8	CQ2024/5	24_5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Văn Khiết	30	N2	T3	6-7,5	cs2:PMD203	33	1	TDQuang	
9	CQ2025/1	25CTT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Quang	30	N1	T4	6-7,5	cs2:PMD202	35	1	MATuấn	
10	CQ2025/1	25CTT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Quang	30	N2	T4	8,5-10	cs2:PMD204	33	1	MATuấn	
11	CQ2025/1	25CTT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	Cần Trần Thành Trung	30	N2	T4	6-7,5	cs2:PMD204	40	1	PBThái	
12	CQ2025/1	25CTT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	Cần Trần Thành Trung	30	N1	T4	8,5-10	cs2:PMD202	34	1	PBThái	
13	CQ2025/1	25CTT1TN2	MTH00050	Toán học tổ hợp	Cần Trần Thành Trung	30	N4	T6	1-2,5	cs2:PMD204	21	1	LPLữ, NNToàn	
14	CQ2025/1	25CTT1TN1	MTH00050	Toán học tổ hợp	Cần Trần Thành Trung	30	N3	T6	3,5-5	cs2:PMD204	20	1	LPLữ, NNToàn	

Thời gian học thực hành khóa 2024, 2026: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 20/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Thời gian học thực hành khóa 2025: từ ngày 12/10/2026 đến ngày 27/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy cs2:D201, cs2:D202, cs2:D203, cs2:D204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP HỌC PHẦN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM HDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
15	CQ2025/2	25CTT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Thảo	30	N1	T4	1-2,5	cs2:PMD202	35	1	MATuấn	
16	CQ2025/2	25CTT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Thảo	30	N2	T4	3,5-5	cs2:PMD204	37	1	MATuấn	
17	CQ2025/2	25CTT2	MTH00050	Toán học tổ hợp	Cần Trần Thành Trung	30	N2	T4	1-2,5	cs2:PMD204	40	1	PBThái	
18	CQ2025/2	25CTT2	MTH00050	Toán học tổ hợp	Cần Trần Thành Trung	30	N1	T4	3,5-5	cs2:PMD202	35	1	PBThái	
19	CQ2025/3	25CTT3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Phạm Minh Tuấn	30	N1	T3	1-2,5	cs2:PMD202	35	1	PNSTùng	
20	CQ2025/3	25CTT3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Phạm Minh Tuấn	30	N2	T3	3,5-5	cs2:PMD204	40	1	PNSTùng	
21	CQ2025/3	25CTT3	MTH00050	Toán học tổ hợp	Bùi Văn Thạch	30	N2	T3	1-2,5	cs2:PMD204	40	1	TTTNhi	
22	CQ2025/3	25CTT3	MTH00050	Toán học tổ hợp	Bùi Văn Thạch	30	N1	T3	3,5-5	cs2:PMD202	35	1	TTTNhi	
23	CQ2025/4	25CTT4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Hồ Tuấn Thanh	30	N1	T3	6-7,5	cs2:PMD202	35	1	PNSTùng	
24	CQ2025/4	25CTT4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Hồ Tuấn Thanh	30	N2	T3	8,5-10	cs2:PMD204	36	1	PNSTùng	
25	CQ2025/4	25CTT4	MTH00050	Toán học tổ hợp	Bùi Văn Thạch	30	N2	T3	6-7,5	cs2:PMD204	40	1	TTTNhi	
26	CQ2025/4	25CTT4	MTH00050	Toán học tổ hợp	Bùi Văn Thạch	30	N1	T3	8,5-10	cs2:PMD202	35	1	TTTNhi	
27	CQ2025/5	25CTT5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Thảo	30	N1	T5	6-7,5	cs2:PMD202	34	1	PBThái	
28	CQ2025/5	25CTT5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Thảo	30	N2	T5	8,5-10	cs2:PMD204	37	1	PBThái	
29	CQ2025/5	25CTT5	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Thị Thảo Nhi	30	N2	T5	6-7,5	cs2:PMD204	40	1	LĐKhoan	
30	CQ2025/5	25CTT5	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Thị Thảo Nhi	30	N1	T5	8,5-10	cs2:PMD202	35	1	LĐKhoan	
31	CQ2025/6	25CTT6	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Lê Khánh Duy	30	N1	T5	1-2,5	cs2:PMD202	34	1	PBThái	
32	CQ2025/6	25CTT6	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Lê Khánh Duy	30	N2	T5	3,5-5	cs2:PMD204	38	1	PBThái	
33	CQ2025/6	25CTT6	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Thị Thảo Nhi	30	N2	T5	1-2,5	cs2:PMD204	40	1	LĐKhoan	
34	CQ2025/6	25CTT6	MTH00050	Toán học tổ hợp	Trần Thị Thảo Nhi	30	N1	T5	3,5-5	cs2:PMD202	35	1	LĐKhoan	
35	CQ2025/7	25CTT7	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đặng Trần Minh Hậu	30	N1	T6	6-7,5	cs2:PMD203	39	1	ĐTMHậu	

Thời gian học thực hành khóa 2024, 2026: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 20/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Thời gian học thực hành khóa 2025: từ ngày 12/10/2026 đến ngày 27/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy cs2:D201, cs2:D202, cs2:D203, cs2:D204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP HỌC PHẦN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM HDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
36	CQ2025/7	25CTT7	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đặng Trần Minh Hậu	30	N2	T6	8,5-10	cs2:PMD203	12	1	ĐTMHậu	
37	CQ2026/1	26CTT1	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	N2	T2	6-7,5	cs2:PMD203	40	1	LĐKhoan	
38	CQ2026/1	26CTT1	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	30	N1	T2	8,5-10	cs2:PMD201	35	1	LĐKhoan	
39	CQ2026/1	26CTT1	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N1	T2	6-7,5	cs2:PMD201	33	1	ĐHTương	
40	CQ2026/1	26CTT1	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Đỗ Thị Thanh Hà	30	N2	T2	8,5-10	cs2:PMD203	35	1	ĐHTương	
41	CQ2026/2	26CTT2	CSC10012	Cơ sở lập trình	Trương Phước Lộc	30	N2	T2	1-2,5	cs2:PMD203	40	1	LĐKhoan	
42	CQ2026/2	26CTT2	CSC10012	Cơ sở lập trình	Trương Phước Lộc	30	N1	T2	3,5-5	cs2:PMD201	35	1	LĐKhoan	
43	CQ2026/2	26CTT2	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Nguyễn Trọng Việt	30	N1	T2	1-2,5	cs2:PMD201	35	1	TGHồng	
44	CQ2026/2	26CTT2	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Nguyễn Trọng Việt	30	N2	T2	3,5-5	cs2:PMD203	38	1	TGHồng	
45	CQ2026/3	26CTT3	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Trọng Việt	30	N2	T5	1-2,5	cs2:PMD203	40	1	PQKỳ	
46	CQ2026/3	26CTT3	CSC10012	Cơ sở lập trình	Nguyễn Trọng Việt	30	N1	T5	3,5-5	cs2:PMD201	35	1	PQKỳ	
47	CQ2026/3	26CTT3	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	N1	T5	1-2,5	cs2:PMD201	35	1	LNTNhi	
48	CQ2026/3	26CTT3	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	N2	T5	3,5-5	cs2:PMD203	38	1	LNTNhi	
49	CQ2026/4	26CTT4	CSC10012	Cơ sở lập trình	Đặng Trần Minh Hậu	30	N2	T5	6-7,5	cs2:PMD203	40	1	PQKỳ	
50	CQ2026/4	26CTT4	CSC10012	Cơ sở lập trình	Đặng Trần Minh Hậu	30	N1	T5	8,5-10	cs2:PMD203	35	1	PQKỳ	
51	CQ2026/4	26CTT4	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Lê Nguyễn Hoài Nam	30	N1	T7	1-2,5	cs2:PMD203	35	1	LNHNam	
52	CQ2026/4	26CTT4	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Lê Nguyễn Hoài Nam	30	N2	T7	3,5-5	cs2:PMD203	37	1	LNHNam	
53	CQ2026/5	26CTT5	CSC10012	Cơ sở lập trình	Hồ Tuấn Thanh	30	N2	T4	6-7,5	cs2:PMD203	40	1	LĐKhoan	
54	CQ2026/5	26CTT5	CSC10012	Cơ sở lập trình	Hồ Tuấn Thanh	30	N1	T4	8,5-10	cs2:PMD201	35	1	LĐKhoan	
55	CQ2026/5	26CTT5	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Đậu Ngọc Hà Dương	30	N1	T4	6-7,5	cs2:PMD201	35	1	VNTĐoan	
56	CQ2026/5	26CTT5	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Đậu Ngọc Hà Dương	30	N2	T4	8,5-10	cs2:PMD203	38	1	VNTĐoan	
57	CQ2026/6	26CTT6	CSC10012	Cơ sở lập trình	Trương Toàn Thịnh	30	N2	T6	1-2,5	cs2:PMD203	39	1	LĐKhoan	

Thời gian học thực hành khóa 2024, 2026: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 20/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Thời gian học thực hành khóa 2025: từ ngày 12/10/2026 đến ngày 27/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy cs2:D201, cs2:D202, cs2:D203, cs2:D204

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP HỌC PHÂN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM HDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
58	CQ2026/6	26CTT6	CSC10012	Cơ sở lập trình	Trương Toàn Thịnh	30	N1	T6	3,5-5	cs2:PMD201	35	1	LĐKhoan	
59	CQ2026/6	26CTT6	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Tiết Gia Hồng	30	N1	T6	1-2,5	cs2:PMD201	35	1	PMHoàng	
60	CQ2026/6	26CTT6	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	Tiết Gia Hồng	30	N2	T6	3,5-5	cs2:PMD203	38	1	PMHoàng	

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ KHU ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH ĐHCQ CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG; HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027

Thời gian học thực hành: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 20/12/2026

STT	LỚP HỌC PHÂN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	SỐ SV dự kiến	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GHI CHÚ
1	CNTN2025	25CTT1TN	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	41	2	ĐHCường	ĐHCường					
2	CQ2023/1	23_1	CSC12005	Phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại	Phạm Minh Tú	35	2	PMTú	PMTú					
3	CQ2023/1	23_1	CSC12107	Hệ thống thông tin phục vụ trí tuệ kinh doanh	Hồ Thị Hoàng Vy	51	3	TGHồng	TGHồng	NNTMChâu				
4	CQ2023/21	23_21	CSC14112	Sinh trắc học	Lê Hoàng Thái	56	3	LHThái	VTLâm	VTLâm				
5	CQ2023/21	23_21	CSC14117	Nhập môn lập trình kết nối vạn vật	Cao Xuân Nam	46	3	CXNam	ĐHTương	ĐHTương				
6	CQ2023/21	23_21	CSC14120	Lập trình song song	Phạm Trọng Nghĩa	72	4	PTNghĩa	PTNghĩa	NTTĩnh	NTTĩnh			
7	CQ2023/22	23_22	CSC15001	An ninh máy tính	Huỳnh Nguyên Chính	57	3	MVPVũ	MVPVũ	HNChính				
8	CQ2023/22	23_22	CSC15010	Blockchain và ứng dụng	Nguyễn Đình Thúc	51	3	NĐHy	NĐHy	NNToàn				
9	CQ2023/22	23_22	CSC15011	Nhập môn ngôn ngữ học thống kê và ứng dụng	Lê Thanh Tùng	28	2	THQuân	THQuân					
10	CQ2023/22	23_22	CSC15102	Phân tích mạng xã hội	Lê Thanh Tùng	22	1	THQuân						
11	CQ2023/22	23_22	CSC15104	An toàn và phục hồi dữ liệu	Đặng Trần Minh Hậu	34	2	ĐTMHậu	LPLữ					
12	CQ2023/23	23_23	CSC16106	Nhập môn lập trình điều khiển thiết bị thông minh	Võ Hoài Việt	12	1	VHViệt						
13	CQ2023/23	23_23	CSC16114	Học sâu trong thị giác máy tính	Lý Quốc Ngọc	14	1	LQNgọc						
14	CQ2023/24	23_24	CSC17106	Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến	Nguyễn Trần Minh Thư	54	3	PMTú	PMTú	NNMChâu				
15	CQ2023/3	23_3	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	Lâm Quang Vũ	44	2	TPLộc	HTThanh					
16	CQ2023/3	23_3	CSC13007	Phát triển game	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	37	2	MATuấn	NLHDũng					
17	CQ2023/3	23_3	CSC13106	Kiến trúc phần mềm	Trần Văn Quý	37	2	TVQuý	NLHDũng					
18	CQ2023/3	23_3	CSC13114	Phát triển ứng dụng web năng cao	Nguyễn Huy Khánh	73	4	TVQuý	TVQuý	NNĐKhoa	NNĐKhoa			
19	CQ2023/3	23_3	CSC13118	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động năng cao	Phạm Hoàng Hải	14	1	TPLộc						
20	CQ2023/31	23_31	CSC13003	Kiểm thử phần mềm	Trần Thị Bích Hạnh	48	3	TTBHạnh	TPLộc	TPLộc				
21	CQ2023/31	23_31	CSC13106	Kiến trúc phần mềm	Ngô Huy Biên	45	3	NNĐKhoa	PHHải	PHHải				
22	CQ2023/4	23_4	CSC11111	Chuyên đề tốt nghiệp Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	12	1	ĐHCường						
23	CQ2023/4	23_4	CSC11116	DevOps năng cao	Nguyễn Thanh Quân	15	1	NTQuân						
24	CQ2023/5	23_5	CSC10102	Kiến tập nghề nghiệp	Cao Xuân Nam	121	5	CXNam	ĐTTHà	ĐHTương	LTThảo	HHMy		
25	CQ2023/5	23_5	CSC10104	Quy hoạch tuyến tính	Lê Phúc Lữ	67	4	LPLữ	LPLữ	VNTĐoan	VNTĐoan			
26	CQ2024/1	24_1	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Giang Thanh	71	4	LGThanh	LGThanh	PQKỳ	PQKỳ			
27	CQ2024/1	24_1	CSC12002	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Vũ Thị Mỹ Hằng	33	2	HTHVy	TGHồng					
28	CQ2024/1	24_1	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Tuấn Nguyễn Hoài Đức	50	3	LHCơ	LHCơ	TGHồng				
29	CQ2024/1	24_1	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Nguyễn Thị Minh Tuyền	78	4	MATuấn	MATuấn	HTThanh	HTThanh			
30	CQ2024/11	24_11	CSC12002	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Nguyễn Trần Minh Thư	50	3	HTHVy	HTHVy	TGHồng				
31	CQ2024/11	24_11	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Phạm Thị Bạch Huệ	28	2	LHCơ	TGHồng					

STT	LỚP HỌC PHÂN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	SỐ SV dự kiến	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GHI CHÚ
32	CQ2024/21	24_21	CSC10007	Hệ điều hành	Nguyễn Tuấn Nam	73	4	NTNam	NTNam	PQKý	PQKý			
33	CQ2024/21	24_21	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	72	4	LHBắc	NNĐức	NNĐức	NTTinh			
34	CQ2024/21	24_21	CSC14111	Nhập môn thiết kế và phân tích giải thuật	Nguyễn Ngọc Thảo Lê Phúc Lữ	48	3	NNThảo	NTTinh	NTTinh				
35	CQ2024/21	24_21	CSC17104	Lập trình cho khoa học dữ liệu	Phạm Trọng Nghĩa	55	3	PTNghĩa	THBân	THBân				
36	CQ2024/22	24_22	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Viết Long	73	4	LVLong	LVLong	PTSon	PTSon			
37	CQ2024/22	24_22	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Bùi Tiến Lên	71	4	BTLên	NNĐức	NNĐức	NTTinh			
38	CQ2024/22	24_22	CSC14007	Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán	Lê Phúc Lữ	33	2	NĐHy	NĐHy					
39	CQ2024/22	24_22	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã	Đặng Trần Minh Hậu	71	4	NĐHy	NĐHy					
40	CQ2024/22	24_22	CSC15006	Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Đinh Điền Nguyễn Hồng Bửu Long	69	4	NHBLong	LĐKhoan	LĐKhoan				
41	CQ2024/22	24_22	CSC15109	Nhập môn tính toán lượng tử	Vũ Quốc Hoàng	42	2	NNToàn	NNToàn					
42	CQ2024/23	24_23	CSC10007	Hệ điều hành	Lê Viết Long	71	4	LVLong	LVLong	PTSon	PTSon			
43	CQ2024/23	24_23	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Bùi Duy Đăng	71	4	BDĐăng	NNĐức	NNĐức	NTTinh			
44	CQ2024/23	24_23	CSC16001	Đồ họa máy tính	Lý Quốc Ngọc	28	2	PTTùng	VTHào					
45	CQ2024/23	24_23	CSC16005	Xử lý ảnh số và video số	Lý Quốc Ngọc	40	2	LQNgọc	NMHùng					
46	CQ2024/24	24_24	CSC14119	Nhập môn khoa học dữ liệu	Lê Ngọc Thành	76	4	LNThành	HLHĐáng	HLHĐáng	VNTĐoan			
47	CQ2024/24	24_24	CSC17104	Lập trình cho khoa học dữ liệu	Phạm Trọng Nghĩa	31	2	PTNghĩa	THBân					
48	CQ2024/25	24_25	CSC15006	Nhập môn xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Đinh Điền Nguyễn Hồng Bửu Long	70	4	NHBLong	LĐKhoan	LĐKhoan				
49	CQ2024/3	24_3	CSC10007	Hệ điều hành	Phạm Tuấn Sơn	70	4	PTSon	PTSon	LVLong	LVLong			
50	CQ2024/3	24_3	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Ngô Ngọc Đăng Khoa	74	4	TVQuý	TPLộc	TVQuý	NNDKhoa			
51	CQ2024/3	24_3	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	Mai Anh Tuấn	67	4	MATuấn	NLHDững	NHKhánh	NHKhánh			
52	CQ2024/3	24_3	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Nguyễn Lê Hoàng Dũng	59	3	TDQuang	PHHải	PHHải				
53	CQ2024/31	24_31	CSC13001	Lập trình Windows	Trần Duy Quang	71	4	MATuấn	NLHDững	NLHDững	MATuấn			
54	CQ2024/31	24_31	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Phạm Minh Tuấn	76	4	NNĐKhoa	NNĐKhoa	TPLộc	TPLộc			
55	CQ2024/31	24_31	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	Nguyễn Huy Khánh	70	4	TVQuý	TPLộc	TPLộc	TVQuý			
56	CQ2024/31	24_31	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Trương Toàn Thịnh	28	2	HTThanh	PHHải					
57	CQ2024/4	24_4	CSC10007	Hệ điều hành	Vũ Thị Mỹ Hằng	72	4	VTMHằng	VTMHằng	LQHòa	LQHòa			
58	CQ2024/4	24_4	CSC11004	Mạng máy tính nâng cao	Lê Ngọc Sơn	65	4	LNSơn	LNSơn	NTQuân	NTQuân			
59	CQ2024/4	24_4	CSC11117	Hệ điều hành Linux và ứng dụng	Lê Hà Minh	63	4	LHMinh	LHMinh	PQKý	PQKý			
60	CQ2024/4	24_4	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Nguyễn Văn Kiệt	77	4	PNSTùng	PNSTùng	NLHDững	NLHDững			
61	CQ2024/5	24_5	CSC10105	Nhập môn tư duy thuật toán	Cần Trần Thành Trung	59	3	NHĐăng	NHĐăng	PBThái				
62	CQ2025/1	25CTT1	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	68	4	ĐHCường	ĐHCường	HTBTrần	HTBTrần			
63	CQ2025/2	25CTT2	CSC10008	Mạng máy tính	Huỳnh Thụy Bảo Trân	80	4	HTBTrần	HTBTrần	NTQuân	NTQuân			
64	CQ2025/3	25CTT3	CSC10008	Mạng máy tính	Huỳnh Thụy Bảo Trân	76	4	HTBTrần	HTBTrần	CTLinh	CTLinh			
65	CQ2025/4	25CTT4	CSC10008	Mạng máy tính	Huỳnh Thụy Bảo Trân	76	4	HTBTrần	HTBTrần	CTLinh	CTLinh			

STT	LỚP HỌC PHẦN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHĐTH	SỐ SV dự kiến	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	GV HĐTH N4	GV HĐTH N5	GV HĐTH N6	GHI CHÚ
66	CQ2025/5	25CTT5	CSC10008	Mạng máy tính	Lê Hà Minh	77	4	LHMinh	LHMinh	NTQuân	NTQuân			
67	CQ2025/6	25CTT6	CSC10008	Mạng máy tính	Nguyễn Thanh Quân	76	4	NTQuân	NTQuân	LHMinh	LHMinh			
68	TTNT2023	23TNT	CSC18001	Nhập môn học sâu	Nguyễn Tiến Huy	53	3	NTHuy	HLHĐăng	HLHĐăng				
69	TTNT2024	24TNT	CSC10007	Hệ điều hành	Phạm Tuấn Sơn	51	3	PTSơn	PTSơn	LVLong				
70	TTNT2024	24TNT	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	50	3	LHBắc	NNĐức	NNĐức				
71	TTNT2024	24TNT	CSC14005	Nhập môn học máy	Lê Hoàng Thái	56	3	LHThái	HLHĐăng	HLHĐăng				

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ NGUYỄN VĂN CỪ
LỚP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÓA 2025, 2026; HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027

Thời gian học thực hành: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 13/12/2026. Tuần 16/11 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ
Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ.

Địa điểm học: Các phòng máy cs1: NVC

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 3	7g00 - 9g30
2	4 - 6	9g40 - 12g10
3	7 - 9	12g50 - 15g20
4	10 - 12	15g30 - 18g00

STT	LỚP HỌC PHẦN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH	GHI CHÚ
1	TNT2025/1	25TNT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T6	4-6	cs1:PMC23A	40	1	PNSTùng	
2	TNT2025/1	25TNT1	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T5	7-9	cs1:PMC23A	40	1	NNToàn	
3	TNT2025/2	25TNT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	30	N1	T6	1-3	cs1:PMC23A	44	1	PNSTùng	
4	TNT2025/2	25TNT2	MTH00050	Toán học tổ hợp	30	N1	T5	4-6	cs1:PMC23A	43	1	VNTĐoan	
5	TNT2026/1	26TNT1	CSC10013	Cơ sở lập trình cho trí tuệ nhân tạo	30	N1	T6	10-12	cs1:PMI61	47	1	HLHĐăng	
6	TNT2026/1	26TNT1	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	30	N1	T2	7-9	cs1:PMI61	45	1	THBân	
7	TNT2026/2	26TNT2	CSC10013	Cơ sở lập trình cho trí tuệ nhân tạo	30	N1	T6	7-9	cs1:PMI61	48	1	HLHĐăng	
8	TNT2026/2	26TNT2	CSC00009	Giới thiệu ngành Trí tuệ nhân tạo	30	N1	T2	10-12	cs1:PMI61	46	1	THBân	

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH HÌNH THỨC 2 - CƠ SỞ NGUYỄN VĂN CỪ
CHƯƠNG TRÌNH CNTN KHÓA 2023, 2024 VÀ TTNT KHÓA 2025; HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2026-2027

Thời gian học thực hành: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 13/12/2026

STT	LỚP HỌC PHẦN	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	SỐ TIẾT TH	SỐ SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	Ghi chú
1	CNTN2023	23TN	CSC10107	Thực tập thực tế	Trần Minh Triết Phạm Thị Bạch Huệ	60	32	2	HLMQuân	LHNThanh		
2	CNTN2023	23TN	CSC13007	Phát triển game	Trần Minh Triết	30	16	1	TNĐThành			
3	CNTN2024	24TN	CSC10007	Hệ điều hành	Trần Trung Dũng	30	44	2	NTQuân	CTLinh		
4	CNTN2024	24TN	CSC10105	Nhập môn tư duy thuật toán	Nguyễn Thanh Hùng Cao Xuân Nam	30	41	2	NHĐăng	ĐTLễ		
5	CNTN2024	24TN	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Đình Bá Tiến	30	44	2	HTThanh	NNĐKhoa		
6	CNTN2024	24TN	CSC13009	Phát triển phần mềm cho thiết bị di động	Trần Minh Triết	30	39	2	ĐTLễ	HVThám		
7	CNTN2024	24TN	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	30	44	2	NNĐức	NNĐức		
8	CNTN2024	24TN	CSC14008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Vũ Hải Quân	30	51	3	TMTriết	NHĐăng	HVThám	
9	CNTN2024	24TN	CSC15005	Nhập môn mã hóa – mật mã	Nguyễn Đình Thúc	30	14	1	NĐHy			
10	TNT2025/1	25TNT1	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	30	40	2	ĐHCường	HTBTrần		
11	TNT2025/1	25TNT1	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	30	40	2	NNĐức	NNĐức		
12	TNT2025/2	25TNT2	CSC10008	Mạng máy tính	Đỗ Hoàng Cường	30	43	2	ĐHCường	HTBTrần		
13	TNT2025/2	25TNT2	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Lê Hoài Bắc	30	44	2	NNĐức	NNĐức		